

**TỔNG CÔNG TY BĐATHH MIỀN BẮC
CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN
HOA TIÊU HÀNG HẢI MIỀN BẮC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **45** /CTHTHMB
V/v niêm yết giá dịch vụ hoa tiêu hàng hải.

Hải Phòng, ngày 01 tháng 10 năm 2024

Kính gửi:

- Bộ Giao thông vận tải;
- Cục Hàng hải Việt Nam;
- Cảng vụ hàng hải Hải Phòng, Nam Định, Thái Bình, Quảng Ninh, Thanh Hoá, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa thiên Huế, Đà Nẵng, Quảng Nam, Quảng Ngãi;
- Các Quý khách hàng, chủ tàu, đại lý, tổ chức và cá nhân sử dụng dịch vụ hoa tiêu hàng hải của Công ty TNHH MTV Hoa tiêu hàng hải miền Bắc.

Căn cứ Nghị định 146/2016/NĐ-CP ngày 02/11/2016 của Chính phủ về quy định việc niêm yết giá, phụ thu ngoài giá dịch vụ vận chuyển hàng hóa container bằng đường biển, giá dịch vụ tại cảng biển Việt Nam, cảng kinh doanh dịch vụ container;

Công ty TNHH MTV Hoa tiêu hàng hải miền Bắc thực hiện niêm yết giá dịch vụ hoa tiêu hàng hải như sau:

1. Thông tin doanh nghiệp:

- Tên doanh nghiệp: Công ty TNHH MTV Hoa tiêu hàng hải miền Bắc
- Địa chỉ giao dịch: Số 19 đường Đà Nẵng, phường Máy Tơ, Quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng
- Số điện thoại: 0225.3859133/ 0225.3552943
- Số Fax: 0225.3827543/ 0225.3652300
- Địa chỉ trang thông tin điện tử của doanh nghiệp: www.pilotconorth.com
- Địa chỉ email: congyhoatieumienbac@vnn.vn

2. Biểu giá dịch vụ hoa tiêu hàng hải niêm yết theo quy định:

Xin gửi kèm theo Biểu giá dịch vụ hoa tiêu hàng hải.

Mức giá niêm yết thực hiện từ ngày 01/10/2024.

Công ty TNHH MTV Hoa tiêu hàng hải miền Bắc xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của mức giá mà chúng tôi đã niêm yết.

GIÁM ĐỐC

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Tổng công ty BĐATHH miền Bắc (để b/c);
- Chủ tịch Công ty;
- Ban Kiểm soát;
- Ban Giám đốc;
- Niêm yết trên trang thông tin điện tử Công ty;
- Lưu: TCKT, KTKH, VT.



Nguyễn Đức Thành

Hải phòng, ngày 01 tháng 10 năm 2024

BẢNG NIÊM YẾT MỨC GIÁ DỊCH VỤ HOA TIÊU HÀNG HẢI

(Kèm theo công văn số 45/CTHHTHMB ngày 01 tháng 10 năm 2024 về việc niêm yết giá dịch vụ, hàng hoá của Công ty TNHH MTV Hoa tiêu hàng hải miền Bắc)

I/ Mức giá dịch vụ hoa tiêu hàng hải niêm yết:

Các mức giá tại Bảng niêm yết giá này đã bao gồm 8% thuế giá trị gia tăng

1. Giá tối đa dịch vụ hoa tiêu đối với tàu thuyền hoạt động hàng hải nội địa:

Số TT	Tên dịch vụ	Đơn vị tính	Loại giá	Giá niêm yết kỳ liên kế trước (kèm số văn bản niêm yết)	Giá niêm yết kỳ này	Thời điểm định giá, điều chỉnh giá	Mức tăng/giảm so với kỳ liên kế trước	Tỷ lệ tăng/giảm so với kỳ liên kế trước	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
1.1	Dịch vụ hoa tiêu hàng hải áp dụng đối với tàu thuyền di chuyển trong cảng mà khoảng cách dẫn tàu dưới 05 hải lý;	Đồng/ GT	Bán lẻ		64,80	01/10/2024	0	0	
1.2	Dịch vụ hoa tiêu hàng hải tại các tuyến dẫn tàu: Cửa Lò, Bến Thủy (tỉnh Nghệ An); Nghi Sơn (tỉnh Thanh Hoá); Vũng Áng (tỉnh Hà Tĩnh); Chân Mây (tỉnh Thừa Thiên Huế); Dung Quất (tỉnh Quảng Ngãi); Vũng Rô (Phú Yên); Vân Phong, Ba Ngòi, Nha Trang (tỉnh Khánh Hoà); Cà Ná (tỉnh Ninh Thuận); Nhà máy nhiệt điện Duyên Hải (Trà Vinh).	Đồng/ GT/ HL	Bán lẻ		64,80	01/10/2024	0	0	
1.3	Dịch vụ hoa tiêu hàng hải áp dụng đối với các loại tàu thuyền trên các tuyến còn lại;	Đồng/ GT/ HL	Bán lẻ		27,00	01/10/2024	0	0	
1.4	Giá tối đa dịch vụ hoa tiêu hàng hải nội địa tính theo lượt dẫn tàu	Đồng/ lượt	Bán lẻ		2.160.000	01/10/2024	0	0	

1.5	Trường hợp giá dịch vụ hoa tiêu hàng hải tính theo đơn giá đối đa quy định tại điểm 1.1, 1.2, 1.3, Bảng niêm yết giá này thấp hơn giá tối đa theo lượt quy định tại điểm 1.4 Bảng niêm yết giá này, thì giá tối đa dịch vụ hoa tiêu hàng hải tính theo quy định tại điểm 1.4 Bảng niêm yết giá này.								
1.6	Hủy bỏ yêu cầu hoa tiêu mà thời gian báo cho tổ chức hoa tiêu biết trước thời điểm yêu cầu hoa tiêu đã dự kiến dưới 03 giờ, người yêu cầu hoa tiêu phải trả tiền chờ đợi thì áp dụng mức giá:		Bán lẻ			01/10/2024	0	0	
	- Hoa tiêu	Đồng/ người/ giờ			32.400				
	- Hoa tiêu và phương tiện	Đồng/ người và phương tiện/ giờ			216.000				
	+ Hoa tiêu chưa xuất phát : tính 1 giờ;								
	+ Hoa tiêu đã rời vị trí xuất phát, thời gian chờ đợi tính từ lúc xuất phát đến khi hoa tiêu trở về vị trí ban đầu được tính tối thiểu là 01 giờ								
	+ Hoa tiêu đã hoàn thành việc dẫn tàu, nếu thuyền trưởng vẫn giữ hoa tiêu lại sẽ tính thêm tiền chờ đợi và tiền chờ đợi được tính theo số giờ giữ lại thực tế;								

2. Giá tối đa dịch vụ hoa tiêu hàng hải đối với tàu thuyền hoạt động vận tải quốc tế:

Số TT	Tên dịch vụ	Đơn vị tính	Loại giá	Giá niêm yết kỳ liên kế trước (kèm số văn bản niêm yết)	Giá niêm yết kỳ này	Thời điểm định giá, điều chỉnh giá	Mức tăng/ giảm so với kỳ liên kế trước	Tỷ lệ tăng/ giảm so với kỳ liên kế trước	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
2.1	Dịch vụ hoa tiêu hàng hải áp dụng đối với tàu thuyền di chuyển trong cảng mà khoảng cách dẫn tàu dưới 05 hải lý;	USD/ GT	Bán lẻ		0,01620	01/10/2024	0	0	
2.2	Dịch vụ hoa tiêu hàng hải tại các tuyến dẫn tàu: Bình	USD/ GT/HL	Bán lẻ		0,00486	01/10/2024	0	0	

	Trị, Hòn Chông (tỉnh Kiên Giang); Cửa Lồ (tỉnh Nghệ An); Nghi Sơn (tỉnh Thanh Hóa); Chân Mây (tỉnh Thừa Thiên Huế); Dung Quất (tỉnh Quảng Ngãi); Vũng Áng (tỉnh Hà Tĩnh); Hòn La (tỉnh Quảng Bình); Năm Căn (tỉnh Cà Mau); Vạn Gia (tỉnh Quảng Ninh); Vũng Rô (Phú Yên); Vân Phong, Ba Ngòi, Nha Trang (tỉnh Khánh Hòa); Cà Ná (Ninh Thuận); Nhà máy nhiệt điện Duyên Hải (Trà Vinh).								
2.3	Đối với các trường hợp sử dụng dịch vụ hoa tiêu ngoài các trường hợp quy định tại điểm 2.1, 2.2 nêu trên, giá dịch vụ hoa tiêu được tính như sau: - Phần khoảng cách đến 10 hải lý; - Phần khoảng cách trên 10 hải lý đến 30 hải lý; - Phần khoảng cách trên 30 hải lý;	USD/ GT/HL USD/ GT/HL USD/ GT/HL	Bán lẻ		0,003672 0,002376 0,00162	01/10/2024	0	0	
2.4	Đối với các trường hợp sử dụng dịch vụ hoa tiêu hàng hải quy định tại điểm 2.3 của bảng niêm yết giá này, tàu thuyền có dung tích từ 80.000GT trở lên (không áp dụng đối với tàu khách và tàu hàng lỏng), hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu, trung chuyển, giá dịch vụ hoa tiêu được tính như sau:								
a.	Phần dung tích trên 80.000 GT đến 120.000 GT, áp dụng giá tối đa dịch vụ hoa tiêu hàng hải bằng 50% quy định tại điểm 2.3 Bảng niêm yết giá này;								
b.	Phần dung tích trên 120.000 GT đến 160.000 GT, áp dụng giá tối đa dịch vụ hoa tiêu hàng hải bằng 40% quy định tại điểm 2.3 Bảng niêm yết giá này;								
c.	Phần dung tích trên 160.000 GT trở lên, áp dụng giá tối đa dịch vụ hoa tiêu hàng hải bằng 30% quy định tại điểm 2.3 Bảng niêm yết giá này;								
2.5	Giá tối đa dịch vụ hoa tiêu hàng hải quốc tế theo lượt dẫn tàu								
a.	Giá tối đa dịch vụ hoa tiêu hàng hải theo lượt dẫn tàu quy định tại điểm 2.2, 2.3 Bảng kê niêm yết này	USD/ lượt	Bán lẻ		324,00	01/10/2024	0	0	
b.	Giá tối đa dịch vụ hoa tiêu hàng hải theo lượt dẫn tàu quy định tại điểm 2.1 Bảng niêm yết giá này	USD /lượt	Bán lẻ		108,00	01/10/2024	0	0	
c.	Giá tối đa dịch vụ hoa tiêu hàng hải theo lượt dẫn tàu đối với tàu thuyền có tổng dung tích dưới 200 GT (kể cả tàu đánh bắt cá) là:	USD/l ượt	Bán lẻ		43,2	01/10/2024	0	0	

2.6	Trường hợp giá tối đa dịch vụ hoa tiêu hàng hải tính theo đơn giá quy định tại điểm 2.1, 2.2, 2.3, 2.4 Bảng niêm yết giá này thấp hơn giá tối đa theo lượt dẫn tàu quy định tại điểm 2.5 Bảng niêm yết giá này, thì giá tối đa dịch vụ hoa tiêu hàng hải tính theo quy định tại điểm 2.5 Bảng niêm yết giá này.							
2.7	Hủy bỏ yêu cầu hoa tiêu mà thời gian báo cho tổ chức hoa tiêu biết trước thời điểm yêu cầu hoa tiêu đã dự kiến dưới 03 giờ, người yêu cầu hoa tiêu phải trả tiền chờ đợi thì áp dụng mức giá:		Bán lẻ			01/10/2024	0	0
	- Hoa tiêu	USD/ người/ giờ			10,80			
	- Hoa tiêu và phương tiện	USD/ người và phươn g tiện/gi ờ			21,60			
	+ Hoa tiêu chưa xuất phát : tính 1 giờ;							
	+ Hoa tiêu đã rời vị trí xuất phát, thời gian chờ đợi tính từ lúc xuất phát đến khi hoa tiêu trở về vị trí ban đầu được tính tối thiểu là 01 giờ							
	+ Hoa tiêu đã hoàn thành việc dẫn tàu, nếu thuyền trưởng vẫn giữ hoa tiêu lại sẽ tính thêm tiền chờ đợi và tiền chờ đợi được tính theo số giờ giữ lại thực tế;							

II/ Phân tích nguyên nhân, nêu rõ biến động của các yếu tố hình thành giá tác động làm tăng hoặc giảm giá hàng hóa, dịch vụ thực hiện niêm yết giá.

Thực hiện Quyết định số 768/QĐ-TCTBĐATHHMB ngày 24/6/2024 của Tổng công ty Bảo đảm an toàn hàng hải miền Bắc, Quyết định về việc thành lập Công ty TNHH một thành viên Hoa tiêu hàng hải miền Bắc trên cơ sở hợp nhất các Công ty TNHH MTV Hoa tiêu hàng hải khu vực II, Công ty TNHH MTV Hoa tiêu hàng hải khu vực III, Công ty TNHH MTV Hoa tiêu hàng hải khu vực IV, Công ty TNHH MTV Hoa tiêu hàng hải khu vực VI.

Công ty TNHH MTV Hoa tiêu hàng hải miền Bắc tiến hành niêm yết theo Thông tư 12/2024/TT-BGTVT ngày 15 tháng 5 năm 2024 của Bộ Giao thông vận tải Thông tư quy định cơ chế, chính sách quản lý giá dịch vụ tại cảng biển Việt Nam, Quyết định số 814/QĐ-BGTVT ngày 01/7/2024 của Bộ Giao thông vận tải Quyết định ban hành giá tối đa dịch vụ hoa tiêu hàng tại cảng biển Việt Nam và Nghị định số 72/2024/NĐ/CP ngày 30/6/2024 quy định chính sách giảm thuế giá trị gia tăng theo Nghị quyết số 142/2024/QH15 ngày 29/6/2024 của Quốc hội áp dụng mức thuế 8% đến 31/12/2024.

Công ty tiến hành niêm yết để đảm bảo phù hợp với Nghị định số 85/2024/NĐ-CP ngày 10/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giá, có hiệu lực từ ngày 10/7/2024.

Các mức giá niêm yết mới sau khi tách thuế GTGT đều nằm trong khung giá quy định tại Quyết định số 814/QĐ-BGTVT ngày 01/7/2024 của Bộ Giao thông Vận tải.

III/ Giá dịch vụ hoa tiêu hàng hải, các trường hợp tính giá cụ thể

1. Giá dịch vụ hoa tiêu hàng hải

1.1. Tổng dung tích (GT) là một trong các đơn vị cơ sở để tính giá dịch vụ hoa tiêu, trong đó:

a) Đối với tàu thuyền chở hàng lỏng: dung tích toàn phần tính bằng 85% GT lớn nhất ghi trong giấy chứng nhận do cơ quan đăng kiểm cấp cho tàu thuyền theo quy định, không phân biệt tàu có hay không có két nước dằn;

b) Đối với tàu thuyền chở khách: dung tích toàn phần tính bằng 50% GT lớn nhất ghi trong giấy chứng nhận do cơ quan đăng kiểm cấp cho tàu thuyền theo quy định.

1.2. Khi yêu cầu dịch vụ hoa tiêu hàng hải, người yêu cầu hoa tiêu phải báo cho tổ chức hoa tiêu trước thời điểm yêu cầu hoa tiêu tối thiểu là 06 giờ; đối với cảng dầu khí ngoài khơi phải báo cho tổ chức hoa tiêu trước thời điểm yêu cầu hoa tiêu tối thiểu là 24 giờ. Trường hợp thay đổi giờ yêu cầu hoa tiêu hoặc hủy bỏ yêu cầu hoa tiêu, người yêu cầu hoa tiêu phải báo cho tổ chức hoa tiêu biết trước thời điểm yêu cầu hoa tiêu đã dự kiến tối thiểu là 03 giờ; đối với cảng dầu khí ngoài khơi là 08 giờ.

1.3. Hoa tiêu đã hoàn thành việc dẫn tàu, nếu thuyền trưởng vẫn giữ hoa tiêu lại sẽ tính thêm tiền chờ đợi và tiền chờ đợi được tính theo số giờ giữ lại thực tế.

1.4. Trường hợp hoa tiêu đã lên tàu mà người yêu cầu hoa tiêu hủy bỏ yêu cầu hoa tiêu thì người yêu cầu hoa tiêu phải trả 80% số tiền tính giá dịch vụ hoa tiêu theo cự ly dẫn tàu đã yêu cầu hoa tiêu trước đó.

1.5. Tàu thuyền có hành trình để thử máy móc thiết bị, hiệu chỉnh la bàn thì được áp dụng bằng 110% giá tối đa theo quy định tại mục I Bảng niêm yết này.

1.6. Tàu thuyền không tự vận hành được vì lý do sự cố kỹ thuật mà phải sử dụng tàu lai thì được áp dụng bằng 150% giá tối đa theo quy định tại mục I Bảng niêm yết này.

1.7. Tàu thuyền yêu cầu hoa tiêu đột xuất thì được áp dụng bằng 110% giá tối đa theo quy định tại mục I Bảng niêm yết này.

1.8. Tàu thuyền phải dịch chuyển giữa các cầu cảng trong phạm vi bến cảng theo yêu cầu của giám đốc doanh nghiệp cảng thì áp dụng theo giá dịch vụ hoa tiêu dịch chuyển trong cảng.

1.9. Tàu thuyền hoạt động vào, rời khu vực hàng hải lấy nhiên liệu, thực phẩm, nước ngọt, thay đổi thuyền viên, sửa chữa, phá dỡ hoặc chạy thử sau khi sửa chữa hoặc

đóng mới mà không bốc dỡ hàng hoá, không đón, trả khách, thì được phép áp dụng bằng 70% giá tối đa theo quy định tại mục I Bảng niêm yết này.

2. Các trường hợp tính giá cụ thể

2.1. Trường hợp thay đổi giờ yêu cầu hoa tiêu hoặc huỷ bỏ yêu cầu hoa tiêu mà thời gian báo cho tổ chức hoa tiêu biết trước thời điểm yêu cầu hoa tiêu đã dự kiến dưới 03 giờ, đối với cảng dầu khí ngoài khơi dưới 08 giờ, người yêu cầu hoa tiêu phải trả tiền chờ đợi thì áp dụng mức giá bằng 32.400 đồng/người/giờ đối với hoạt động nội địa và 10,8 USD/người/giờ đối với hoạt động quốc tế. Đối với trường hợp bao gồm cả phương tiện thì áp dụng mức giá bằng 216.000 đồng/người và phương tiện/giờ đối với hoạt động nội địa và 21,6 USD/người và phương tiện/giờ đối với hoạt động quốc tế. Trường hợp hoa tiêu chưa xuất phát thì tính 01 giờ; hoa tiêu đã rời vị trí xuất phát, thời gian chờ đợi tính từ lúc xuất phát đến khi hoa tiêu trở về vị trí ban đầu được tính tối thiểu là 01 giờ; hoa tiêu chỉ chờ đợi tại địa điểm đón tàu sau thời điểm yêu cầu dịch vụ hoa tiêu không quá 04 giờ, quá thời gian trên việc yêu cầu dịch vụ hoa tiêu coi như đã huỷ bỏ và người yêu cầu hoa tiêu phải trả 80% số tiền tính giá dịch vụ hoa tiêu theo cự ly dẫn tàu đã yêu cầu hoa tiêu trước đó và mức giá quy định tại Mục I Bảng niêm yết giá này.

2.2. Trường hợp hoa tiêu đã lên tàu nhưng tàu thuyền không vận hành được vì lý do bất khả kháng có cảng vụ hàng hải khu vực xác nhận thì giá dịch vụ hoa tiêu được tính không vượt quá giá tối đa theo lượt theo quy định tại mục I.1.4 Bảng niêm yết giá này đối với hoạt động hàng hải nội địa và mục I.2.5 Bảng niêm yết giá này đối với hoạt động hàng hải quốc tế

2.3. Tàu thuyền không tới thẳng cảng đến mà yêu cầu neo lại dọc đường (trừ các tuyến không được chạy đêm) người yêu cầu hoa tiêu phải trả chi phí phương tiện phát sinh thêm trong việc đưa đón hoa tiêu. Giá dịch vụ phương tiện đón trả hoa tiêu không quá 324.000 VNĐ/tàu/lượt đối với tàu hoạt động nội địa và 32,4 USD/tàu/lượt đối với tàu hoạt động quốc tế.

2.4. Tàu thuyền đã đến vị trí chờ hoa tiêu theo đúng giờ đã yêu cầu được cảng vụ hàng hải khu vực và tổ chức hoa tiêu chấp thuận mà hoa tiêu chưa tới, khiến tàu phải chờ đợi thì tổ chức hoa tiêu phải trả tiền chờ đợi cho chủ tàu, tiền chờ đợi là 270.000 VNĐ/giờ đối với hoạt động nội địa và 108 USD/giờ đối với hoạt động quốc tế, tính theo số giờ thực tế phải chờ đợi.

2.5. Tàu thuyền (trừ tàu thuyền chở khách) vào, rời một khu vực hàng hải tối thiểu 04 chuyến/tháng/khu vực hàng hải trở lên, thì từ chuyến thứ tư trở đi của tàu này trong tháng, áp dụng bằng 80% giá tối đa dịch vụ hoa tiêu quy định tại Mục I Bảng niêm yết giá này hoặc áp dụng tối đa bằng 2.160.000 đồng đối với tàu hoạt động nội địa và 324 USD đối với tàu hoạt động quốc tế.

2.6. Tàu thuyền chở khách vào, rời khu vực hàng hải tối thiểu 4 chuyến/tháng/khu vực hàng hải, từ chuyến thứ tư trở đi của tàu này trong tháng, áp dụng bằng 50% giá tối đa dịch vụ hoa tiêu quy định tại Mục I Bảng niêm yết giá này hoặc áp dụng tối đa bằng 2.160.000 đồng đối với tàu hoạt động nội địa và 324 USD đối với tàu hoạt động

quốc tế.

2.7. Tàu thuyền chở khách hoạt động quốc tế có dung tích toàn phần từ 50.000 GT trở lên vào, rời một khu vực hàng hải, áp dụng bằng 40% giá dịch vụ hoa tiêu quy định tại Mục I Bảng niêm yết giá này hoặc áp dụng tối đa bằng 324 USD.

IV/ Thuế suất thuế giá trị gia tăng đối với dịch vụ hoa tiêu hàng hải:

4.1. Đối tượng khách hàng áp dụng thuế suất thuế giá trị gia tăng 0%

Đối với các đối tượng áp dụng thuế suất GTGT 0% thì mức giá áp dụng bằng mức giá niêm yết (cột 6) chia cho $(1 + 8\%)$.

Khách hàng là tổ chức, cá nhân thuộc đối tượng chịu thuế suất thuế giá trị gia tăng 0%: khi đáp ứng đủ Điều kiện áp dụng thuế suất thuế giá trị gia tăng 0% theo quy định tại Mục d) Khoản 2 Điều 9 Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Luật thuế giá trị gia tăng và Nghị định số 209/2013/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật thuế giá trị gia tăng, cụ thể như sau:

“Dịch vụ của ngành hàng hải áp dụng thuế suất 0% thực hiện tại khu vực cảng và đáp ứng các điều kiện sau:

- *Có hợp đồng cung ứng dịch vụ với tổ chức ở nước ngoài, người đại lý tàu biển hoặc yêu cầu cung ứng dịch vụ của tổ chức ở nước ngoài hoặc người đại lý tàu biển;*
- *Có chứng từ thanh toán dịch vụ qua ngân hàng của tổ chức ở nước ngoài hoặc có chứng từ thanh toán dịch vụ qua ngân hàng của người đại lý tàu biển cho cơ sở cung ứng dịch vụ hoặc các hình thức thanh toán khác được coi là thanh toán qua ngân hàng.”*

4.2. Đối tượng khách hàng áp dụng thuế suất thuế giá trị gia tăng 8%:

Khách hàng là tổ chức, cá nhân thuộc đối tượng chịu thuế suất thuế giá trị gia tăng 8% khi không đáp ứng đầy đủ các điều kiện áp dụng thuế suất 0% nêu ở mục 4.1.

Mức niêm yết giá này thực hiện từ 00 giờ 00 ngày 01/10/2024.

Công ty TNHH MTV Hoa tiêu hàng hải miền Bắc cam kết về việc các sản phẩm, dịch vụ đề nghị công bố giá không vi phạm các quy định về khai thác, chế biến, sản xuất và kinh doanh sản phẩm, dịch vụ tương ứng; đã hiểu rõ các hành vi bị cấm trong lĩnh vực giá và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh theo quy định tại Khoản 2 Điều 7 và Điều 9 - Luật Giá số 16/2023/QH15.

Công ty TNHH MTV Hoa tiêu hàng hải miền Bắc xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của các tài liệu và mức giá mà đơn vị đã đăng ký, niêm yết và niêm yết.

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Đức Thành